UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2688 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 09 tháng7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, công suất 5400 tấn/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa của Công ty TNHH Duyệt Cường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Công văn số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu công suất 5400 tấn/năm tại xã Phú Nghiêm (trước đây là xã Xuân Phú), huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 31/12/2019; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/CV-MT ngày 11/3/2020 của Công ty TNHH Duyệt Cường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 648/Tr-STNMT ngày 07/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, công suất 5400 tấn/năm (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Duyệt Cường (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa, Giám đốc Công ty TNHH Duyệt Cường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, công suất 5400 tấn/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Duyệt Cường

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, công suất 5400 tấn/năm tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Duyệt Cường

+ Người đại diện: CHIU HAN TANG

+ Chức vụ: Tổng giám đốc .

+ Địa chỉ: Bản Chăm, xã Phú Nghiêm (trước là xã Xuân Phú), huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Số điện thoại: 02373.594.057

- Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:

+ Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng:

Dự án được đầu tư xây dựng có quy mô diện tích là 30000 m^2, bao gồm các hạng mục: Nhà xưởng sản xuất, xưởng gia công, nhà điều hành văn phòng; nhà nghỉ ca công nhân, bể ngâm ủ bột giấy, nhà bảo vệ, căng tin và các công trình phụ trợ khác.

+ Công suất sản xuất của dự án: Sản phẩm của dự án là Giấy vàng mã xuất khẩu công suất 5400 tấn/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

* Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,6 m^3/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 2,07 m^3/ngày; nước thải rửa tay chân khoảng 2,34 m^3/ngày; nước thải nhà ăn phát sinh khoảng 0,27 m^3/ngày. Thành phần nước thải gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ thực vật, động vật) Coliform...

- Nước thải sản xuất: Có lưu lượng lớn nhất là 680,5 m^3/ngày. Trong đó:

+ Nước thải dịch đen (từ hoạt động ngâm ủ nguyên liệu) là 30 m^3/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là dịch lignin, nồng độ COD, BOD, TSS rất cao …

+ Nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu, rửa khung in là 650,5 m^3/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là xơ sợi, hemixenlulo, COD, BOD, TSS rất cao.

* Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động sản xuất; hoạt động của hệ thống XLNT tập trung, khí thải lò sấy, khí thải lò hơi, khí thải trong quá trình ủ, xeo giấy,... thành phần chủ yếu là bụi, SO_2; NO_x; CO, H_2S...

* Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 30 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất: Tro, xỉ từ quá trình đốt lò hơi khoảng 1,25 tấn/ngày;

- Bùn thải từ hệ thống XLNT khoảng 4,8 tấn/tháng.

* Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa, vỏ thùng chứa mực in và vỏ thùng hóa chất,.... khối lượng khoảng 505 kg/tháng.

Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải từ việc thay dầu của các thiết bị với lượng 40lít/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa có kích thước Rộng x Cao = 30cm x 30cm, các hố ga (kích thước 80cm x 80cm x 80cm), được bố trí xung quanh các khu nhà xưởng, tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa L = 250m.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- *Nước thải phát sinh từ quá trình tắm giặt:* Có lưu lượng 2,34 m^3/ngày.đêm, được thu gom qua bể lắng có kích thước 1,5mx 1,5mx1,5m sau đó dẫn về trạm XLNT tập trung của dự án.

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện):* Có lưu lượng 2,07m^3/ngày.đêm, được thu gom về 4 bể tự hoại đặt dưới hạng mục các nhà vệ sinh**,** thể tích 12m^3/bể, kích thước (3m x 2m x 2m). Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống XLNT tập trung của dự án.

- Nước thải từ nhà bếp: Có lưu lượng 0,27 m3/ngày.đêm được thu gom qua 1 bể tách dầu mỡ có dung tích 0,5 m3 để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của dự án.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất:*

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: Dòng nước thải này sẽ được dẫn về các bể thu gom qua hệ thống song chắn rác, lưới lọc để loại bỏ rác thô và rác tinh sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

** Hệ thống XLNT tập trung:*

Nước dịch đen (nước ngâm ủ nguyên liệu) → Bể xử lý dịch đen

↓

Nước xeo giấy, nước sau bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng 1,2 → Bể trung gian + oxi hóa → Bể Aerotank → Bể lắng 3 → Ao sinh học chứa nước tuần hoàn tái sử dụng không thải ra môi trường.

Bảng tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung

STT	Công trình xử lý nước thải hiện trạng	Thể tích (m^3)	Quy hoạch	Công trình cải tạo sau quy hoạch	Thể tích (m^3)
1	Bể yếm khí	46,9	Thay đổi mục đích sử dụng	Bể xử lý nước thải dịch đen	46,9
2	Bể thu gom nước thải xeo	46,9	Giữ nguyên mục đích sử dụng	Bể thu gom nước thải xeo	46,9
3	Bể điều hòa	162		Bể điều hòa	162
4	Cụm bể phản ứng (3 bể)	7,92		Cụm bể phản ứng (3 bể)	7,92
5	Bể lắng 1 (1 bể 68m^3, 1 bể 72m^3)	141		Bể lắng 1 (1 bể 68m^3, 1 bể 72m^3)	141
6	Bể lắng 2 (1 bể 99m^3, 1 bể 135m^3)	234		Bể lắng 2 (1 bể 99m^3, 1 bể 135m^3)	234
7	Bể trung gian (1 bể 50m^3, 1 bể 2238m^3)	2288		Bể trung gian (1 bể 50m^3, 1 bể 2238m^3)	2288
8	Bể Oxy hóa	3		Bể Oxy hóa	3
9	Bể Aerotank	621		Bể Aerotank	621
10	Bể lắng 3	207		Bể lắng 3	207
11	Ao sinh học (04 ao diện tích mỗi ao 800m^2, sâu 2,5m)	8000		Ao sinh học (04 ao diện tích mỗi ao 800m^2, sâu 2,5m)	8000
12	Bể chứa bùn	18		Bể chứa bùn	18
13	Nhà điều hành 9m^2	-		Nhà điều hành 9m^2	-

- Xây dựng bổ sung 01 bể sự cố với kích thước rộng 8m* dài 22m* sâu 4m, tổng thể tích 704m^3 để chứa nước thải khi hệ thống XLNT gặp sự cố.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong nhà máy; vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển; Các phương tiện vận chuyển khi tham gia giao thông phải có giấy đăng kiểm; trồng cây xanh dọc tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án, các loại cây trồng là những cây có tán rộng như sao đen, lát.

- Khí thải lò sấy giấy được thu gom bằng chụp hút và thoát qua ống khói đường kính 40cm, cao 10m thải ra môi trường.

- Lắp đặt tại mỗi nhà xưởng 1 quạt thông gió công nghiệp công suất 1.000m3/h. Tổng số quạt cần lắp đặt là 8 quạt.

- Trang bị bảo hộ lao động gồm quần áo, khẩu trang hoạt tính, kính mắt, mũ, ủng, gang tay... cho công nhân nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải…. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập kết tại bãi chứa phía Bắc của nhà máy có diện tích 3m^2 và hợp đồng với Tổ dịch vụ môi trường bản Chăm xã Phú Nghiêm để thu gom về khu xử lý chung của xã với tần xuất 2 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất*

+ Tro, xỉ từ lò hơi: sau khi lấy khỏi lò được tưới nước làm ẩm sau đó thu gom về bể chứa có kích thước 3x4m và cho công nhân nhà máy hoặc người dân địa phương sử dụng làm phân bón.

+ Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thu gom và phân loại ngay tại nguồn sau đó đưa về nhà kho lưu chất thải nguy hại tại phía Đông Nhà máy với diện tích 20m^2. Trang bị 3 thùng lưu chứa 200 lít có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo các loại chất thải nguy hại đặt tại nhà kho lưu chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

a. Giám sát khí thải

- Tuần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

- Các vị trí giám sát:

+ OK1: Mẫu tại ống khói lò sấy 2 (x = 2252768; y = 514699);

+ OK4: Mẫu tại ống khói lò sấy 5 (x = 2252758; y = 514678);

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khi hậu, tiếng ồn, Bụi tổng, SO_2, NO_2, CO, H_2S...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, Kv =1,4) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.

- QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát nước thải.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

- Vị trí giám sát: Mẫu nước thải tại ao sinh học số 4 trước khi tuần hoàn tái sử dụng (x = 2252886; y = 514589);

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD_5, COD, Độ màu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột B3 cơ sở sản xuất giấy và bột giấy) với hệ số Kq = 1.

4.3. Giám sát bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần;

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, Tổng Xyanua (CN), Tổng dầu, phenol, benzen;

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bể chứa bùn thải của Nhà máy (x = 2252844; y = 514653);

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước./.